

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HUỆ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 24-8-2022

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Gái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thành Công.
2. Bà Đỗ Ngọc Ngân Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Thành - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Ngày 24 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 98/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thí D - Sinh năm 1992 - Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Long An. (Vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Phạm Anh T - Sinh năm 1988 - Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Long An. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01-7-2022, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Trần Thị Thí D trình bày:

Bà và ông Phạm Anh T tổ chức đám cưới vào năm 2011, có đăng ký kết hôn ngày 05-12-2011 tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thạnh Tây, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An. Sống chung hạnh phúc đến tháng 06-2021 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã mất hạnh phúc gia đình, ông T ghen tuông vô cớ và đánh đập bà. Hiện tại tuy sống chung nhà nhưng không quan tâm lẫn nhau.

Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Phạm Anh T.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Phạm Trọng K, sinh ngày 05-9-2011 và Phạm Trọng P, sinh ngày 14-3-2019, hai con chung đang sống với bà và ông T. Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Về chia tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 25-7-2022, quá trình tố tụng bị đơn ông Phạm Anh T trình bày:

Ông đồng ý toàn bộ lời trình bày của bà D về ngày tháng, điều kiện kết hôn, tình trạng hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn. Ông nghi ngờ bà D có quan hệ bất chính với người đàn ông khác nên ghen tuông và đánh bà D.

Về hôn nhân: Ông không đồng ý ly hôn với bà Trần Thị Thí D.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Phạm Trọng K, sinh ngày 05-9-2011 và Phạm Trọng P, sinh ngày 14-3-2019, hai con chung đang sống với ông và bà D. Khi ly hôn yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Phạm Trọng K, bà D nuôi con chung Phạm Trọng P. Bà D và ông không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn bà D có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do lần thứ hai nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Trần Thị Thí D khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Phạm Anh T, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Ông T được tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án nhưng ông không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của ông, không có mặt để tham gia phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Bà Trần Thị Thí D và ông Phạm Anh T chung sống có đăng ký kết hôn ngày 05-12-2011 tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thạnh Tây, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An. Quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông T là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của bà D, đồng thời xét yêu cầu đoàn tụ của ông T, Hội đồng xét xử nhận định: Bà D cho rằng vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên

nhân do bất đồng quan điểm sống. Ông T nghi ngờ bà D có quan hệ bất chính với người đàn ông khác nên ghen tuông và đánh bà D. Bà D và ông T đều không cung cấp chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Tuy nhiên, xét mâu thuẫn cả hai trình bày đã trầm trọng, vợ chồng tuy sống chung nhà nhưng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, vì vậy xét mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà D yêu cầu ly hôn với ông T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về nuôi con chung: Xét con chung Phạm Trọng K, sinh ngày 05-9-2011 có nguyện vọng sống chung bà D và con chung Phạm Trọng P, sinh ngày 14-3-2019 ông T đồng ý giao bà D tiếp tục nuôi dưỡng. Vì vậy, giao hai con chung cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Xét việc bà D không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp quy định tại các Điều 82, 107, 110, 116 và 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[7] Về chia tài sản chung và nợ chung: bà D và ông T trình bày không có, không yêu cầu nên không xem xét.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xét thấy:

[9] Bà D là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bà D đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, các Điều 51, 81, 82, 107, 110, 116 và 118 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Bà Trần Thị Thí D được ly hôn với ông Phạm Anh T.

2. Về nuôi con chung: Bà Trần Thị Thí D được quyền trực tiếp nuôi hai con chung tên Phạm Trọng K, sinh ngày 05-9-2011 và Phạm Trọng P, sinh ngày 14-3-2019 - hiện con chung đang sống với bà D và ông T. Ông Phạm Anh T không phải cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Ông Phạm Anh T có nghĩa vụ giao hai con chung Phạm Trọng K và Trọng Phạm P cho bà Trần Thị Thí D nuôi dưỡng khi án có hiệu lực pháp luật.

Ông T được quyền thăm nom và chăm sóc con chung, khi cần thiết vì lợi ích con chung, bà D và ông T có quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con và yêu cầu thay đổi khoản cấp dưỡng nuôi con theo luật hôn nhân và gia đình.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Thí D phải chịu 300.000 đồng án phí, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (theo biên lai thu số 0005263 ngày 04-7-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ). Bà D đã nộp đủ án phí.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Huệ;
- CC. THADS huyện Đức Huệ;
- Các đương sự;
- UBND xã Mỹ Thạnh Tây, huyện Đức Huệ (để ghi sổ hộ tịch)
- Lưu: hồ sơ vụ án, án văn.

Trần Thị Gái